

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 870/2017/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 7 năm 2017.

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Liên Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

2. Bà **Lê Thị Xin**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Mến** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1210/2016/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N** - sinh năm: 1987.

Thường trú: Ấp M, xã N, huyện H, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Lê Ngọc T** - sinh năm: 1982.

Thường trú: Ấp 5, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2016, bản tự khai ngày 21/10/2016, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/4/2017, biên bản hòa giải ngày 12/4/2017 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Sau một thời gian quen biết, tìm hiểu, bà Nguyễn Thị N và ông Lê Ngọc T đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2006.

Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, về nhà đánh đập vợ. Từ đó, vợ chồng không cùng chung suy nghĩ, bất đồng quan điểm. Bà N và ông T đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Nay bà

N nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T đã lạnh nhạt, không còn yêu thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, bà N yêu cầu được ly hôn với ông Lê Ngọc T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà N và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Thu T, sinh ngày 05/3/2006 và Lê Ngọc Kiều T, sinh ngày 04/02/2008. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tiên, đồng ý giao cháu Thủy cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2017 và tại phiên tòa, ông Lê Ngọc T trình bày:

Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, ông Lê Ngọc T đồng ý với phần trình bày của bà Nguyễn Thị N.

Ông T thừa nhận thường xuyên đi nhậu nhẹt, về nhà trong lúc cữ cãi có đánh đập vợ vào năm 2010. Sau đó, bà N bỏ về nhà cha mẹ vợ sinh sống đã nhiều năm nay. Ông T xác định trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, tự lo cho bản thân. Tuy nhiên, ông T nhận thấy vẫn còn yêu thương bà N và mong muốn được đoàn tụ gia đình để vợ chồng có thể trở về chung sống với nhau, cho các con có đầy đủ tình thương của cha mẹ. Do đó, ông T không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Trường hợp Tòa án buộc ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thu T, đồng ý giao cho cháu Kiều T cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có mặt theo triệu tập của Tòa án; ông Lê Ngọc T được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, do đó không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn đã vắng mặt không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N với ông Lê Ngọc T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc

ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Ngọc T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2006, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Ngọc T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Ngọc T cùng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, về nhà đánh đập vợ. Từ đó, vợ chồng không cùng chung suy nghĩ, bất đồng quan điểm, bà N và ông T xác định đã ly thân nhiều năm. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Tại phiên tòa, ông T cho rằng vẫn còn thương yêu vợ con, mong muốn đoàn tụ gia đình, cho các con có đầy đủ tình thương của cha mẹ nên không đồng ý ly hôn với bà N.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, vợ chồng bà N và ông T đã trải qua thời gian dài không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, mỗi người đều giữ quan điểm riêng của mình. Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên để các bên đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt không lý do nên không hòa giải được và bà N vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông T. Từ những nhận định trên, đủ cơ sở kết luận đời sống chung của vợ chồng bà N và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà N và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Thu T, sinh ngày 05/3/2006 và Lê Ngọc Kiều T, sinh ngày 04/02/2008. Tại phiên tòa, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tiên, ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thủy và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên thấy rằng, tại bản tự khai ngày 24/4/2017, cháu Lê Ngọc Kiều T xác định đang chung sống với bà N và có nguyện vọng tiếp tục được sống với bà Nguyễn Thị N; tại bản tự khai ngày 25/7/2017 và tại phiên tòa, cháu Lê Thị Thu T xác định đang chung sống với ông T và có nguyện vọng tiếp tục được sống với ông Lê Ngọc T. Từ đó, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Nguyễn Thị N và ông Lê Ngọc T, giao cháu Lê Ngọc Kiều T cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Thu T cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng nguyện vọng của cháu Thủy, cháu Tiên và phù hợp với quy định của pháp luật..

[5] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Lê Ngọc T.

Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thu T, sinh ngày 05/3/2006 cho ông Lê Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung tên Lê Ngọc Kiều T, sinh ngày 04/02/2008 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Thủy, cháu Tiên lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng). Ngày 08/11/2016, bà Nguyễn Thị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/0029549 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân